



THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

HOÀNG MINH ĐẸP, PHẠM VĂN SƠN, TRINH XUÂN VIỆT

Cơ cấu lại ngành Nông nghiệp là một nội dung quan trọng trong tổng thể quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế. Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước, hoạt động cơ cấu lại ngành Nông nghiệp ở Việt Nam đã có nhiều khởi sắc, song cũng còn tồn tại không ít hạn chế, bất cập. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, bài viết đề xuất một số giải pháp tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành Nông nghiệp ở nước ta trong thời gian tới.

Từ khóa: Cơ cấu lại, nông nghiệp, thực trạng, giải pháp

THE CURRENT SITUATION AND SOLUTION TO ACCELERATE VIETNAM'S AGRICULTURAL SECTOR RESTRUCTURE

Hoang Minh Dep, Pham Van Son, Trinh Xuan Viet

Agricultural sector restructure is an important content of overall renovation process of growth model and economy. Over the past years, under the leadership of the Party and the management and administration of the State, the restructuring of the agricultural sector in Vietnam has made a significant progress, but there are still many limitations. Based on the assessment of the current situation, the article proposes a number of solutions to promote the agricultural sector restructure in the coming time.

Keywords: Restructure, agriculture, current situation, solution

Ngày nhận bài: 24/8/2022

Ngày hoàn thiện biên tập: 20/9/2022

Ngày duyệt đăng: 26/9/2022

Đặt vấn đề

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, là một trong ba bộ phận cấu thành nền kinh tế quốc dân. Đối với Việt Nam, nông nghiệp là “lợi thế quốc gia, trụ đỡ của nền kinh tế”. Trong những năm qua, cùng với mục tiêu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại kinh tế, vấn đề cơ cấu lại ngành Nông nghiệp (CCLNN) luôn được đặt ra trong các kỳ Đại hội Đảng gần đây. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII, Nông nghiệp có bước chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng và hiệu quả, tiếp tục là trụ đỡ của nền kinh tế; kinh tế nông thôn tiếp tục phát

triển; chương trình xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả quan trọng, hoàn thành sớm hơn gần hai năm so với kế hoạch đề ra, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn và đời sống nông dân”. Đồng thời, Nghị quyết cũng khẳng định: “Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Theo cách hiểu chung nhất, CCLNN là quá trình tổ chức, bố trí, sắp xếp lại các yếu tố trong sản xuất nông nghiệp, điều chỉnh những vướng mắc, bất cập, phát huy tối đa lợi thế so sánh và tối ưu hóa các nguồn lực đầu vào nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế, thu nhập của nông dân, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng tiến bộ, bền vững. Theo đó, nội dung CCLNN bao gồm: Tổ chức, sắp xếp lại ngành nghề, không gian sản xuất nông nghiệp; điều chỉnh, sắp xếp lại hình thức tổ chức sản xuất và các nguồn lực về tài nguyên, vốn, khoa học công nghệ, lao động trong sản xuất nông nghiệp.

Thực trạng cơ cấu lại ngành Nông nghiệp Việt Nam

Kết quả đạt được

Thực hiện các biện pháp cơ cấu lại, giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) khu vực nông, lâm, thủy sản (NLTS) bình quân đạt 2,71%/năm, cao hơn mức 2,41% của năm 2015. Năm 2021, giá trị toàn ngành nông nghiệp tăng 2,9%, kim ngạch xuất khẩu đạt 48,6 tỷ USD (Hình 1). Kết quả chủ yếu được thể hiện trên các nội dung sau đây:

Thứ nhất, đã tích cực chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, hướng vào sản xuất những lĩnh vực, ngành hàng có lợi thế; không gian sản xuất được quy hoạch, sắp xếp ngày càng hợp lý hơn.

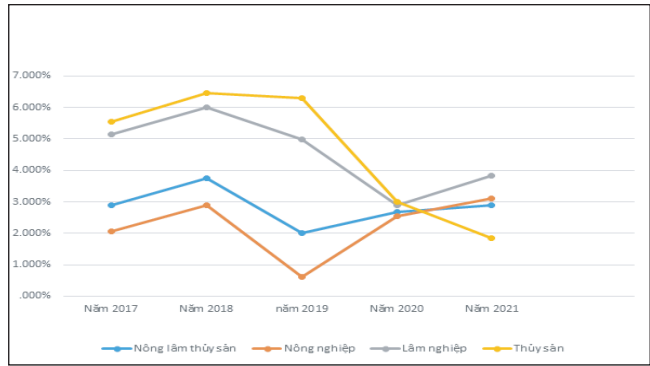
Thực hiện CCLNN, lĩnh vực trồng trọt đẩy mạnh việc đổi đất lúa kém hiệu quả sang các cây trồng khác cho hiệu quả kinh tế cao hơn như cây ăn quả, rau an toàn, hoa. Chăn nuôi tích cực cơ cấu lại sản phẩm, xác định rõ thứ tự ưu tiên về loại sản phẩm chính từ chăn nuôi lợn, gà, bò thịt, bò sữa. Lâm nghiệp, rừng trồng chuyển theo hướng đa chức năng và phát triển rừng gỗ lớn, gỗ quý và lâm sản ngoài gỗ, năng suất, chất lượng và giá trị từng loại rừng đã được nâng cao. Cơ cấu nuôi trồng thủy sản được điều chỉnh, tập trung phát triển các đối tượng nuôi chủ lực như tôm nước lợ, cá tra. Trong khai thác thủy sản, cơ cấu đội tàu khai thác biển được điều chỉnh theo hướng giảm dần tàu công suất nhỏ khai thác ven bờ, tăng dần loại tàu có công suất trên 90CV khai thác xa bờ; hình thành các đội tàu đánh bắt xa bờ lớn, hiện đại, vươn khơi xa, bám biển dài ngày. Năm 2020 tổng số tàu khai thác thủy sản là 94.520 chiếc, trong đó số tàu chiều dài trên 24m có 2.618 chiếc (Vụ Kế hoạch, 2020).

Không gian sản xuất nông nghiệp từng bước được bố trí ngày càng phù hợp với yêu cầu cơ cấu lại theo hướng sản xuất hàng hóa, nông nghiệp công nghệ cao (CNC); hình thành những vùng sản xuất sản phẩm, ngành hàng có lợi thế cạnh tranh, phù hợp với điều kiện của từng vùng, miền. Trên địa bàn cả nước đã hình thành nhiều vùng chuyên canh, sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn gắn với chế biến và tiêu thụ như: Lúa gạo (Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng), cà phê (Tây Nguyên), cao su (Tây Nguyên, Đông Nam bộ), điều, tiêu (Đông Nam bộ), mía đường (Bắc Trung bộ, ĐBSCL), nuôi trồng thủy sản (ĐBSCL, Nam Trung bộ), chăn nuôi gia súc (Đông Nam bộ, Đồng bằng sông Hồng)... Các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC được quy hoạch và đầu tư phát triển, đến năm 2020 đã có 12 vùng, 4 khu nông nghiệp ứng dụng CNC được công nhận.

Thứ hai, các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp được phát triển đa dạng, mở rộng quy mô và nâng cao trình độ, công nghệ sản xuất.

Số lượng doanh nghiệp nông nghiệp ngày càng tăng, từng bước trở thành nòng cốt trong chuỗi giá trị nông sản. Năm 2021, số doanh nghiệp thành lập mới là 1.640 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp nông nghiệp lên 14.400 doanh nghiệp, tăng 14,46% so với năm 2019. Các doanh nghiệp nhà

HÌNH 1: TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP NGÀNH NÔNG NGHIỆP TỪ NĂM 2017 ĐẾN 2021



Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2021)

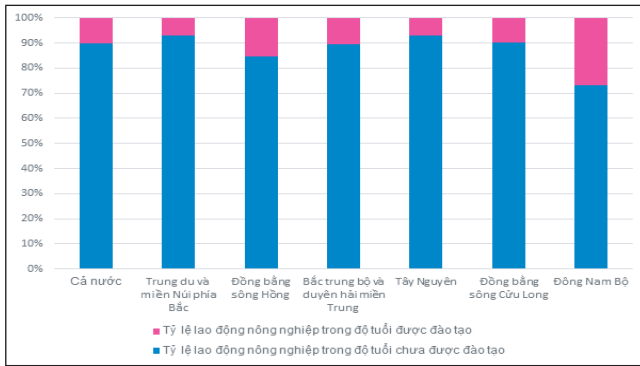
nước được sắp xếp lại và đổi mới cơ chế hoạt động, trọng tâm là đẩy mạnh cổ phần hoá, thoái vốn đầu tư ra ngoài ngành, có 166/256 công ty nông, lâm nghiệp được sắp xếp, đổi mới. Số lượng hợp tác xã (HTX) nông nghiệp tiếp tục tăng, hoạt động theo luật và dân thích nghi với cơ chế thị trường. Năm 2021, có tổng cộng 78 Liên hiệp HTX nông nghiệp và 19.100 HTX nông nghiệp, trong đó có gần 65% hoạt động hiệu quả. Tỷ lệ HTX tham gia dịch vụ tiêu thụ nông sản cho xã viên tăng từ dưới 10% trước đây lên 24,5%. Kinh tế trang trại phát triển khá tốt, năm 2021 cả nước có 19.667 trang trại theo tiêu chí mới (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2022), trở thành hình thức thu hút, sử dụng nhiều lao động, đất đai, có vai trò thúc đẩy sản xuất theo chuỗi, hợp tác liên kết sản xuất. Kinh tế hộ gia đình tiếp tục phát triển theo cơ chế thị trường và đang có sự chuyển dịch hiệu quả hơn, số hộ gia đình sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, hàng hóa và tham gia liên kết có sự gia tăng.

Thứ ba, các nguồn lực về vốn, khoa học công nghệ, lao động được tổ chức, huy động, sử dụng ngày càng có hiệu quả.

Trong 5 năm 2016 – 2020, tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội cho lĩnh vực nông nghiệp đạt 527.543 nghìn tỷ đồng (bằng 5,94% tổng vốn đầu tư toàn xã hội). Trong đó, vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cho nông nghiệp và nông thôn là 959,6 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 1,57 lần so với giai đoạn 2011 – 2015 (Vụ Kế hoạch, 2020). Cơ cấu đầu tư công đã dần được điều chỉnh theo hướng tăng vốn đầu tư cho các vùng trọng điểm có lợi thế phát triển nông nghiệp hàng hóa; điều chỉnh vốn đầu tư công cho các công trình phục vụ cơ cấu lại, ưu tiên cho các lĩnh vực có khả năng cạnh tranh và đem lại giá trị gia tăng cao... Các nguồn vốn đầu tư tư nhân được khuyến khích, số lượng các doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng nhanh, đã có nhiều doanh nghiệp lớn đầu



HÌNH 2: TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP CỦA CẢ NƯỚC NĂM 2020



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2021)

tư vào nông nghiệp, như: Tập đoàn Vingroup, MaSan, Hoàng Anh Gia Lai, Pan group... Nguồn vốn tín dụng, ngân hàng cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Tỷ lệ hộ được vay vốn cho hoạt động nông lâm thủy sản trong tổng số hộ nông lâm thủy sản ở khu vực nông thôn có nhu cầu vay vốn của hệ thống tín dụng, ngân hàng đã tăng từ 53,92% năm 2016 lên 76,22% năm 2020.

Hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ được triển khai tích cực ở tất cả các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp. Công nghệ sinh học đã được ứng dụng trong chọn tạo các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, có sức chống chịu cao; giai đoạn (2013 - 2020), đã có 529 giống mới (trong đó 393 giống cây trồng, 12 giống thủy sản; 82 giống cây lâm nghiệp và 42 giống vật nuôi). Công nghệ tự động, bán tự động được ứng dụng trong chăm sóc cây trồng, vật nuôi góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm; ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý các yếu tố dinh dưỡng đầu vào, môi trường xung quanh, dự báo dịch bệnh...; một số chế phẩm sinh học được ứng dụng để cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng, vật nuôi, hạn chế dịch bệnh hại. Trong thu hoạch, bảo quản nông phẩm, nhiều máy móc hiện đại, quy trình công nghệ tiên tiến đã được sử dụng, đặc biệt là ở các vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, tập trung, các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng CNC như: Công nghệ bảo quản thực phẩm đông lạnh của Nhật Bản (cells alive system); công nghệ bảo quản rau quả tươi bằng phương pháp khí quyển điều chỉnh (controlled atmosphere); bảo quản trái cây bằng màng (modified atmosphere); bảo quản quả bằng chế phẩm tạo màng; bảo quản quả trên cây bằng chế phẩm retaine (AVG)...

Với việc triển khai nhiều đề án phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, tiêu biểu là Đề án “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ tái cơ cấu ngành

nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới”, công tác đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp tại các cơ sở được chú trọng; nội dung, phương pháp đào tạo được đổi mới theo hướng tập trung đào tạo nông dân nòng cốt, theo nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn; tập trung cho các đối tượng: lao động ở các vùng nguyên liệu của doanh nghiệp, lao động thực hiện CCLNN, Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”, thành viên HTX và trang trại tham gia liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm, lao động sản xuất ứng dụng CNC, áp dụng kỹ thuật tiên tiến... Tính đến năm 2019, ngành Nông nghiệp đã đào tạo được 1,084 triệu lao động nông thôn học nghề nông nghiệp, có trên 4.500 cán bộ khuyến nông được đào tạo kỹ năng dạy nghề. Sau học nghề đã có trên 90% lao động có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng nâng cao thu nhập (Vụ Kế hoạch, 2020).

Một số hạn chế, khó khăn, thách thức

Bên cạnh những kết quả đạt được quá trình CCLNN còn gặp phải không ít hạn chế, khó khăn, thách thức đó là:

Một là, quy mô sản xuất nông nghiệp nhìn chung còn nhỏ lẻ, liên kết trong sản xuất còn nhiều bất cập, chưa bền vững.

Mặc dù, số HTX và doanh nghiệp tăng, số hộ giảm nhưng hộ sản xuất vẫn chiếm tỷ trọng lớn và chủ yếu vẫn là hộ có quy mô sản xuất nhỏ và rất nhỏ. Năm 2020, 42,67% số hộ sản xuất nông nghiệp và 59,64% số hộ nuôi trồng thủy sản sử dụng dưới 0,2 ha đất, chỉ có 5,95% số hộ nông nghiệp và 7,85% số hộ nuôi trồng thủy sản sử dụng từ 2 ha trở lên; 45,70% số hộ sản xuất lâm nghiệp sử dụng dưới 1 ha, 6,93% số hộ sử dụng từ 5 ha đất trở lên. Quy mô chăn nuôi 1 - 2 con/1 hộ, chiếm 73,50% tổng số hộ nuôi trâu và 62,45% tổng số hộ nuôi bò; số hộ nuôi trên 10 con trâu, bò lần lượt chiếm 0,52% và 1,72% tổng số hộ nuôi trâu, bò; chỉ có 1,96% tổng số hộ nuôi lợn, nuôi từ 50 con trở lên; 6,25% tổng số hộ nuôi gà, nuôi 100 con trở lên.

Các hình thức sản xuất trang trại, HTX, doanh nghiệp nông nghiệp số lượng còn ít, quy mô sản xuất khiêm tốn, năm 2020 cả nước có 20.611 trang trại, chỉ chiếm 0,23% tổng số hộ sản xuất nông nghiệp; bình quân 1 trang trại sử dụng có 5,96 ha đất và 4,43 lao động thường xuyên. HTX và doanh nghiệp chủ yếu là các cơ sở nhỏ. Số lao động bình quân 1 HTX nông nghiệp năm 2019 là 10,47 lao động. Trong đó, số HTX sử dụng dưới 10 lao động chiếm 66,84%. Số lao động bình quân 1 doanh nghiệp là 33,36 người, số doanh nghiệp sử dụng



dưới 10 lao động chiếm 67,23% tổng số doanh nghiệp (Tổng cục Thống kê, 2021).

Các hình thức liên kết sản xuất chưa chặt chẽ, còn không ít khó khăn trong thực hiện. Thỏa thuận hợp tác, hợp đồng liên kết còn những bất cập, chế tài xử lý khi vi phạm chưa đồng bộ. Sự gắn kết giữa sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chế biến; giữa nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học còn yếu dẫn tới sản xuất giá trị thấp, nhiều rủi ro, thiếu bền vững (Lê Văn Lợi, 2022). Số lượng liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và hộ nông dân trên cả nước vẫn chưa nhiều, quy mô liên kết còn nhỏ, thể hiện ở cả diện tích liên kết cũng như số lượng hộ nông dân và số doanh nghiệp tham gia liên kết, hiện nay mới có khoảng 6% tổng số hộ nông dân trên cả nước, 25% tổng số doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp tham gia liên kết (Phùng Lê Dung, 2022).

Hai là, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu CCLNN theo hướng hiện đại, bền vững.

Chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tuy được cải thiện, nhưng kết quả chưa cao, lao động nông nghiệp chất lượng còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất hàng hoá lớn, hội nhập quốc tế. Theo Tổng cục Thống kê, trong 5 năm (2016 - 2020), tỷ lệ lao động nông nghiệp trong độ tuổi lao động được đào tạo chỉ tăng 2,10%, bình quân mỗi năm tăng 0,42%. Tại thời điểm 01/7/2020, số lao động nông nghiệp trong độ tuổi lao động chưa qua đào tạo là 12,57 triệu người, chiếm 89,97% tổng số lao động nông nghiệp trong độ tuổi lao động. Tỷ lệ này, ở các vùng có sự khác nhau, cao nhất là vùng Tây Nguyên (92,91%), thấp nhất là Đông Nam Bộ (72,99%) (Hình 2). Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong độ tuổi đã qua đào tạo mới đạt 10,03%, trong đó phần lớn là đào tạo ngắn hạn, không có bằng, chứng chỉ; số có bằng, chứng chỉ sơ cấp nghề 1,35%; cao đẳng 0,60%; đại học và trên đại học 0,61%. Điều này dẫn đến năng suất lao động trong khu vực nông nghiệp thấp, chỉ bằng 38,1% năng suất lao động của ngành kinh tế. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề còn nghèo nàn, thiếu đồng bộ, nhiều lao động còn thụ động trong việc đăng ký, lựa chọn nghề, tiếp cận với khoa học - kỹ thuật để thay đổi tập quán sản xuất cũ (Chu Thị Thảo, 2021).

Ba là, trình độ khoa học công nghệ trong nông nghiệp còn thấp, quy mô ứng dụng CNC còn nhỏ, tập quán sản xuất nông nghiệp lạc hậu thiếu bền vững.

Mặc dù, đã có những bước tiến đáng kể nhưng nhìn chung, trình độ khoa học kỹ thuật, nhất là máy móc, thiết bị được ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp ở nước ta còn lạc hậu và thiếu đồng bộ. Theo

thống kê, trình độ công nghệ trong nông nghiệp bình quân lạc hậu từ 2-3 thế hệ, có khu vực lạc hậu từ 4 - 5 thế hệ. Các mô hình ứng dụng CNC trong sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, phân bố không đồng đều, chủ yếu tập trung tại một số vùng, sản phẩm có thể mạnh, doanh nghiệp lớn. Trình độ công nghệ thấp, dẫn đến phần lớn nông sản được xuất khẩu dưới dạng thô hoặc mới qua sơ chế; công nghệ bảo quản các mặt hàng thịt, cá, rau, quả tươi còn lạc hậu, chi phí cao, thời gian ngắn nên khó tiếp cận hoặc không thể cạnh tranh được với nông sản của nước ngoài trên các thị trường khó tính như: Mỹ, EU, Nhật Bản... Bên cạnh đó, nhiều nông dân vẫn chưa tiếp cận được với cách làm nông nghiệp hiện đại, bền vững; tình trạng lạm dụng phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất, phụ gia không được phép, sử dụng lãng phí tài nguyên còn diễn ra, dẫn đến chi phí sản xuất cao, mất an toàn vệ sinh thực phẩm và ô nhiễm môi trường.

Bốn là, đầu tư cho nông nghiệp chưa tương xứng với yêu cầu.

Mức đầu tư vào nông nghiệp thường xuyên giữ ở mức gần 6% tổng mức đầu tư toàn xã hội; chưa tương xứng với tiềm năng và đóng góp của ngành đối với nền kinh tế quốc dân, nên cơ sở hạ tầng kỹ thuật nông thôn còn nhiều bất cập, nhất là cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp chưa hiệu quả, đi cùng với tình trạng đất đai manh mún nên vẫn chưa nhiều doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC. Số doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp hiện chỉ chiếm 8% tổng số doanh nghiệp trên cả nước, trong đó số doanh nghiệp đầu tư trực tiếp cho sản xuất nông lâm thủy sản mới chiếm khoảng 1%. Có không ít là các doanh nghiệp nhà nước, số doanh nghiệp tư nhân chưa nhiều, chủ yếu đầu tư vào các lĩnh vực có tiềm năng lợi nhuận cao, dễ sinh lời từ đất đai (Trần Đức Viên, 2020). Tín dụng cho phát triển nông nghiệp và CCLNN tuy có nhiều chuyển biến nhưng chưa có sự đột phá và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, HTX và hộ nông dân tiếp cận vốn; không ít HTX, tổ HTX khó tiếp cận các chính sách ưu đãi về tín dụng.

Giải pháp đẩy mạnh cơ cấu lại ngành Nông nghiệp Việt Nam

Đại hội XIII của Đảng xác định rõ: “Cơ cấu lại kinh tế vùng, đổi mới thể chế liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng, phát huy vai trò các vùng kinh tế động lực và các đô thị lớn, quan tâm phát triển các vùng còn khó khăn, thu hẹp



chênh lệch phát triển giữa các vùng”; “Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân thông minh”; “Chú trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương”; “Gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị nông sản trong các chuỗi giá trị”...

Để thực hiện tốt chủ trương của Đảng, trước hết các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên phải thoát ra khỏi tư duy trong phạm vi địa giới hành chính huyện, tỉnh, thành phố; tập trung xây dựng chiến lược quốc gia, vùng, miền và chế biến nông sản; đổi mới tư duy từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh doanh nông nghiệp với vai trò “bà đỡ” của doanh nghiệp nông nghiệp với công nghệ mới, hiện đại và cơ chế, chính sách tương thích nhất để hỗ trợ, khuyến khích tập trung đất đai, đầu tư khoa học, công nghệ, nâng cao chất lượng và giá trị nông sản gắn với thị trường. Đồng thời, trong thời gian tới....

Trong thời gian tới, nhằm đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp Việt Nam, cần chú trọng các giải pháp sau:

Thứ nhất, rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch sản xuất nông nghiệp, từng bước khắc phục quy mô sản xuất manh mún, nhỏ lẻ.

Bên cạnh Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2030, Chính phủ đã ban hành các chiến lược về phát triển nông nghiệp, nông thôn và các lĩnh vực chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045, theo đó các tỉnh trong cả nước cũng xây dựng kế hoạch thực hiện. Song đây là kế hoạch dài hạn mang tính định hướng. Do đó, cần thường xuyên rà soát, xây dựng quy hoạch, kế hoạch cụ thể, phù hợp với yêu cầu của thị trường, xu thế phát triển nông nghiệp trong hội nhập, toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Đặc biệt, có chính sách huy động các nguồn lực hợp lý để thực hiện tốt các mục tiêu kế hoạch, quy hoạch; bảo đảm sự thống nhất giữa quy hoạch, cơ chế, chính sách và nguồn lực cho phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, các sản phẩm chủ lực cấp quốc gia, cấp tỉnh, sản phẩm đặc sản của địa phương; vùng, khu ứng dụng CNC... Trong đó, bảo đảm sự liên kết vùng, liên kết sản phẩm theo ngành hàng, liên kết sản xuất chế biến và tiêu thụ, gắn với

chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, cả cơ cấu sản phẩm và vùng. Trên cơ sở quy hoạch, cần quan tâm khâu tuyên truyền, định hướng thực hiện quy hoạch, khắc phục triệt để lối sản xuất tự phát, “trăm hoa đua nở”, không tương hợp giữa sản lượng và quy mô thị trường, dẫn đến vòng luẩn quẩn hàng hóa dư thừa, kêu gọi “hỗ trợ”, “giải cứu”... lặp lại nhiều năm. Đi cùng với quy hoạch ngành hàng, không gian sản xuất, cần có chính sách định hướng, khuyến khích, hỗ trợ mở rộng quy mô trong sản xuất nông nghiệp, tăng nhanh các hình thức tổ hợp tác, HTX, kinh tế trang trại, doanh nghiệp, giảm dần tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ trong nông nghiệp.

Thứ hai, mở rộng quy mô, nâng cao trình độ, tính bền vững trong các hình thức liên kết.

Thường xuyên tổng kết, đánh giá các mô hình, hình thức liên kết hiện nay, có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển cả chiều rộng và chiều sâu các hình thức liên kết chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp như: Liên kết giữa các chủ thể sản xuất kinh doanh nông nghiệp, liên kết giữa các cơ quan quản lý, nghiên cứu khoa học, tổ chức tín dụng với các chủ thể sản xuất kinh doanh và liên kết vùng, khu vực, địa phương. Mặt khác, tăng hiệu quả, tính bền vững trong liên kết, theo đó, cần nâng cao nhận thức, năng lực trình độ sản xuất của các chủ thể đáp ứng yêu cầu trong liên kết kinh tế, nhất là nâng cao kiến thức của các hộ sản xuất về liên kết kinh tế, tránh chạy theo lợi ích trước mắt mà phá vỡ các hợp đồng liên kết. Đặc biệt, giải quyết tốt quan hệ lợi ích kinh tế, bảo đảm hài hòa quan hệ lợi ích giữa chủ thể kinh tế trên cơ sở nguyên tắc các bên cùng có lợi theo sự đóng góp thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Các cơ quan nhà nước cần phát huy vai trò là chủ thể định hướng, dẫn dắt, “trọng tài” cho mối liên kết giữa các chủ thể kinh tế trong nông nghiệp.

Thứ ba, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao trình độ, phương thức sản xuất trong nông nghiệp.

Với trình độ nguồn nhân lực trong nông nghiệp còn thấp, chưa đồng đều, một mặt cần nâng cao mặt bằng chung về trình độ, kỹ năng, phương thức sản xuất trong nông nghiệp, tăng cường cơ giới hóa, tự động hóa hoạt động sản xuất nông nghiệp và ứng dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp tốt. Mặt khác, đẩy mạnh nghiên cứu, triển khai ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp; Tiếp tục ứng dụng công nghệ hiện đại trong nghiên cứu, sản xuất các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt; Đẩy mạnh sử dụng công nghệ sinh



học, công nghệ tự động hóa trong quản lý, chăm sóc, tưới tiêu, theo dõi sinh trưởng, phòng trừ dịch bệnh; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ hiện đại trong thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông sản; Tập trung hỗ trợ ứng dụng CNC trong các dự án phục vụ phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia, sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, sản phẩm đặc sản địa phương. Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ triển khai các dự án nông nghiệp ứng dụng CNC; hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ, thúc đẩy liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp với tổ chức khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghệ cao; tiếp tục phát triển, vận hành có hiệu quả các khu nông nghiệp ứng dụng CNC.

Thứ tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu CCLNN.

Thực hiện tốt chính sách chuyển dịch cơ cấu, đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực trong nông nghiệp. Trong đó, cần đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng nông nghiệp, nông thôn; nâng tỷ lệ lao động được đào tạo dài và cấp chứng chỉ nghề. Nội dung, phương pháp đào tạo cần tiếp tục đổi mới phù hợp với từng đối tượng là doanh nghiệp, cán bộ HTX, chủ trang trại, lao động hộ gia đình, khắc phục tình trạng mất cân đối về cung cầu lao động trong nông nghiệp ở từng địa phương. Các hình thức đào tạo ngắn hạn, tập huấn cần đổi mới nội dung và phương pháp tiến hành, tập trung hướng dẫn kỹ thuật, công nghệ mới, bồi dưỡng kinh nghiệm theo hướng thiết thực, tháo gỡ những yếu kém trong từng khâu sản xuất; Tiếp tục hoàn thiện chế độ, chính sách thu hút các nhà khoa học trong lĩnh vực CNC, cán bộ quản lý, cán bộ trẻ có năng lực, trình độ, sinh viên tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp vào làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thứ năm, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ CCLNN.

Cơ chế, chính sách cần tiếp tục hoàn thiện theo hướng đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, liên thông tạo điều kiện để các chủ thể sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp dễ dàng tiếp cận, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh CCLNN. Trong đó, chú trọng hoàn thiện chính sách chính sách, pháp luật về đất đai, tín dụng, ứng dụng khoa học, kỹ thuật, phát triển doanh nghiệp nông nghiệp, thu hút đầu tư vào nông nghiệp, bảo hiểm nông nghiệp, bảo vệ môi trường, phát triển các hình thức liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị.

Thứ sáu, tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng khu vực nông nghiệp nông thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại và liên thông. Trong đó, củng cố, nâng cấp hệ thống thủy lợi trong cả nước và từng vùng, địa bàn, gắn với quy hoạch phát triển ngành hàng nông sản, ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu; nâng cấp, mở rộng hệ thống cung cấp điện ở khu vực nông thôn, miền núi đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô và ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại trong sản xuất, chế biến nông sản. Xây dựng cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền và dịch vụ hạ tầng nghề cá; mở rộng, nâng cấp và tăng tính kết nối hệ thống giao thông nông thôn; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông, Internet ở khu vực nông thôn và phát triển hệ thống dịch vụ nông nghiệp.

Tóm lại, CCLNN nước ta là một chủ trương lớn, một công việc lâu dài, những kết quả đạt được thể hiện sự quan tâm, vào cuộc của cấp ủy, chính quyền từ Trung ương đến cơ sở, tạo tiền đề quan trọng để nền nông nghiệp Việt Nam tiếp tục phát huy lợi thế, tiềm năng và vai trò trụ đỡ của nền kinh tế. Để từng bước khắc phục hạn chế, phát huy kết quả đạt được cần quá trình kiên trì thực hiện đồng bộ nhiều nội dung, giải pháp, phát huy vai trò của các chủ thể kinh tế, huy động sử dụng có hiệu quả các nguồn lực...

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, tập I;
2. Thủ tướng Chính phủ (2021), Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2022), Báo cáo Tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2021 và triển khai Kế hoạch năm 2022;
4. Vụ Kế hoạch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2020), Báo cáo Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp 5 năm 2021 – 2025;
5. Tổng cục Thống kê (2021), Kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ 2020, NXB. Thống kê;
6. Trần Đức Viên (2020), nông nghiệp Việt Nam, những vấn đề tồn tại, <https://www.vnu.edu.vn>, ngày 12/11/2020;
7. Phùng Lê Dung (2022), Một số giải pháp nhằm tăng cường liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và hộ nông dân tại Việt Nam, <http://tbtagi.angiang.gov.vn>;
8. Lê Văn Lợi (2022), “Một số vấn đề về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta hiện nay”, Tạp chí Khoa học chính trị, số 03/2022, tr8-13;
9. Chu Thị Thảo (2021), “Giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho ngành nông nghiệp Việt Nam”, Tạp chí Công thương, số 15/2021, tr.398 – 401;

Thông tin tác giả:

NCS. Hoàng Minh Đẹp, PGS., TS. Phạm Văn Sơn, TS. Trịnh Xuân Việt
 Học viện Chính trị (Bộ Quốc phòng)
 Email: Hoangminhct6hv@gmail.com